

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-7-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phương Anh Tư

Bà Hoàng Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1989; cư trú tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Triệu Hữu T1, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T đăng ký kết hôn với anh Triệu Hữu T1 vào ngày 07/10/2008, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu trong một thời gian ngắn, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống

chung với gia đình nhà chồng, tại thôn B, xã T, cuộc sống chung vợ chồng cũng bình thường đến năm 2010, sau khi có con thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T1 đi kiếm tiền nhưng không đưa cho vợ để chăm lo gia đình mà đem đi chơi hết, chị T đã nhiều lần khuyên bảo và bỏ qua để cuộc sống vợ chồng được êm ấm. Đến cuối năm 2023, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Dương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Hữu T1.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Triệu Tài C, sinh ngày 16/01/2010 và Triệu Kiều O, sinh ngày 04/9/2012. Khi ly hôn, chị Dương Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Triệu Hữu T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Triệu Hữu T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Hữu T1 và chị Dương Thị T kết hôn với nhau vào ngày 07/10/2008. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, anh T1 và chị T sống với nhau vẫn hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T thường xuyên đem anh T1 ra so sánh với người khác, không hài lòng về anh T1. Chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 đã sống ly thân từ tháng 02/2024, trong thời gian ly thân anh T1 vẫn tìm cách liên lạc với chị T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không trả lời. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh Triệu Hữu T1 không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Triệu Tài C, sinh ngày 16/01/2010 và Triệu Kiều O, sinh ngày 04/9/2012. Nếu phải ly hôn, anh T1 yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, nếu các con ở với chị T, anh T1 sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng, nếu các con có nguyện vọng ở với anh T1 thì anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 tại thôn B, xã T và tại gia đình anh Triệu Hữu T1 được trưởng thôn và gia đình anh Triệu Hữu T1 cho biết chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 đã sống ly thân từ cuối năm 2023, không về nhà chồng chung sống nữa và chị Dương Thị T đã đưa hai con về nhà mẹ để chị T ở tại thôn S, xã T.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, tuy nhiên tại phiên hòa giải chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 không thỏa thuận được với nhau về các nội dung trong vụ án nên hòa giải không thành.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Triệu Hữu T1 vắng mặt tại buổi hòa giải lần 2 và tại phiên tòa sơ thẩm, chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Dương Thị T về việc ly hôn với anh Triệu Hữu T1.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung là Triệu Tài C, sinh ngày 16/01/2010 và Triệu Kiều O, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Dương Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Triệu Hữu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Hữu T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc

Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Triệu Hữu T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng phiên tòa xét xử đã mở lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu Hữu T1 theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B vào ngày 07/10/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài không hòa giải được. Chị Dương Thị T và anh Triệu Hữu T1 đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Anh T1 cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nhưng anh không có biện pháp để hóa giải mâu thuẫn giữa hai người, cả hai đều không có sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Thấy rằng, tình cảm giữa chị T và anh T1 không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là có căn cứ. Vì vậy, chị Dương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Hữu T1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 02 con chung là Triệu Tài C, sinh ngày 16/01/2010 và Triệu Kiều O, sinh ngày 04/9/2012. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung; anh T1 yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con. Thấy rằng, cháu Triệu Tài C và Triệu Kiều O hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Dương Thị T. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị Dương Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Triệu Tài C, sinh ngày 16/01/2010 và Triệu Kiều O, sinh ngày 04/9/2012 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Triệu Hữu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu và anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị T. Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Triệu Hữu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Tài C, sinh ngày 16/01/2010 và Triệu Kiều O, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Dương Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Triệu Hữu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004020 ngày 13/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức

